

# CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA NGA HOÀNG NICOLAI II (1894-1917): NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM

Nguyễn Phương Mai<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Thu Hiền<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Khoa Khoa học Xã hội và Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Ngày nhận bài: 06/4/2020; Ngày chỉnh sửa: 26/7/2020; Ngày duyệt đăng: 18/8/2020

## Tóm tắt

Cuối thế kỷ XIX, nước Nga bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc khi chưa tiến hành cách mạng dân chủ tư sản. Vì thế, chủ nghĩa đế quốc Nga tồn tại trong khi còn giữ lại nhiều tàn tích của chế độ phong kiến. Những mâu thuẫn xã hội chằng chéo đã khiến nước Nga trở thành nơi tập trung mọi mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc và là trung tâm cách mạng. Trong bối cảnh đó, sau khi lên nắm quyền Nicolai II đã thực hiện nhiều chính sách trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội nhằm duy trì chế độ chuyên chế và giải quyết các mâu thuẫn tồn tại ở Nga. Chính sách cai trị của Nicolai II mang nhiều đặc điểm khác nhau, nhưng xét cho cùng những chính sách ấy đã không đem lại kết quả như mong muốn của Nga hoàng Nicolai II. Chính sách đối nội của ông trở thành nguyên nhân quan trọng thổi bùng ngọn lửa cách mạng ở Nga vào đầu thế kỷ XX, thiêu cháy sự tồn tại của chế độ phong kiến Nga mà Nicolai II trở thành vị Hoàng đế cuối cùng của đất nước rộng lớn ấy.

**Từ khóa:** Nicolai II, Sa hoàng, đế quốc Nga, chính sách đối nội của Nga.

## 1. Đặt vấn đề

Sa hoàng Nicolai II lên nối ngôi vào thập niên cuối của thế kỷ XIX, khi tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động to lớn, quan trọng nhất là sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc. Bối cảnh lịch sử ấy đặt ra cho vị Sa hoàng trẻ tuổi nhiều thách thức, làm sao để đưa nước Nga tiếp tục phát triển với những chính sách phù hợp với hoàn cảnh mới. Nicolai II đã thực hiện chính sách đối nội như thế nào trong suốt hơn 20 năm cai trị đất nước Nga rộng lớn? Những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc hình thành chính sách đối nội của Nicolai II? Những chính sách ấy có đặc điểm gì? Bài viết sẽ đi vào giải quyết các vấn đề nêu trên.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa đế quốc.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài là phương pháp lịch sử và phương pháp logic: Nghiên cứu về chính sách cai trị của Sa hoàng Nicolai II, tác giả bài viết đi tìm hiểu những nhân tố tác động đến chính sách của ông, khái quát nội dung từ đó chỉ ra đặc điểm của chính sách và có đánh giá khách quan về nhân vật lịch sử này.

Ngoài ra, tác giả bài viết cũng sử dụng phương pháp phân tích, nhận định, đánh giá để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

\*Email: nguyenvuongmai.dhhv@gmail.com

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Một vài nét về Nga hoàng Nicolai II (1868 - 1917)

##### 3.1.1. Tiểu sử

Sa hoàng Nicolai II tên đầy đủ là Nikolai Aleksandrovich Romanov (tiếng Việt phiên âm là Nicôlai II Rômanốp). Ông là con của Nga hoàng Aleksandr III và Hoàng hậu Maria Feodorovna, Công chúa Dagmar của Đan Mạch. Ông được phong làm Thái tử năm 1881. Giống như các tiên đế, ông được xem là “đệ nhất tín đồ của Chính Thống giáo nước Nga”.

Năm 1894, ông chính thức lên nắm quyền ở Nga sau khi Aleksandr III mất. Cũng trong năm này, ông kết hôn với Công chúa Alexandra của Hesse - Darmstadt. Năm 1896, sau lễ đăng quang của Nicolai II, vợ ông chính thức trở thành Hoàng hậu Alexandra Feodorovna của nước Nga.

Ông có năm người con, bốn công chúa là: Olga, Tatiana, Maria, Anastasia và Thái tử Aleksei Nikolayevich.

Sau hơn 20 năm cai trị nước Nga (1894 - 1917) với nhiều biến cố, nhất là sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, Nicolai II buộc phải thoái vị. Cuộc đời vị Sa hoàng cuối cùng của nước Nga và gia đình đã bị xử bắn trong một căn phòng vào ngày 17/7/1918.

##### 3.1.2. Quá trình nắm quyền và cai trị

Nicolai II cầm quyền từ ngày 01/11/1894 nhưng lễ đăng quang chính thức vào tháng 5.1896 sau khi vua cha mất.

Trong thời gian cai trị nước Nga từ năm 1894 đến năm 1917, Nicolai II đã thực hiện chính sách chống lại các kêu gọi cải cách và tìm cách để duy trì chế độ cai trị tuyệt đối của Sa hoàng. Trong những năm đầu cai trị, Nicolai II đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh với Nhật (1904-1905) và phải chịu thất bại thảm hại. Hậu quả lớn của cuộc chiến ấy đã làm bùng nổ cuộc cách mạng 1905-1907, buộc Nicolai II phải nhượng bộ bằng việc phê duyệt thành lập Duma (Quốc hội) mang tính đại diện, hứa hẹn cải cách

hiến pháp. Tuy nhiên, vị Sa hoàng này đã sớm rút lại các nhượng bộ với nhân dân và liên tục giải tán Duma.

Năm 1914, với tham vọng mở rộng lãnh thổ, đàn áp phong trào trong nước, ông đã ra lệnh tổng động viên quân đội vào tháng 8 năm 1914, đẩy nhân dân Nga vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Cuộc chiến đã khiến cho nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng, sự bất mãn của công chúng ngày càng tăng khi thực phẩm trở nên khan hiếm, binh lính mệt mỏi vì chiến tranh. Đồng thời, những thất bại nặng nề dưới tay Đức đã chứng minh cho một nước Nga lạc hậu, yếu kém dưới thời Nicolai II.

Chiến tranh khiến nước Nga lâm vào khủng hoảng, sự bất mãn với Nga hoàng ngày càng dâng cao. Những cuộc đình công diễn ra liên tục khiến chế độ của Sa hoàng cuối cùng không còn lý do để có thể tồn tại. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai năm 1917, Nicolai II buộc phải thoái vị. Ông trở thành vị Sa hoàng cuối cùng của nước Nga phong kiến.

#### 3.2. Nhân tố tác động đến sự hình thành chính sách cai trị của Nga hoàng Nicolai II

##### 3.2.1. Nhân tố khách quan

\* Lịch sử hình thành, phát triển của đế quốc Nga và truyền thống cai trị của dòng họ Romanov:

Đế quốc Nga thành lập từ công quốc thời Trung cổ Mát-xcơ-va, với vai trò là một đế quốc phong kiến. Từ thế kỷ thứ XVI, dưới thời Sa hoàng Ivan Bạo chúa (Ivan IV), người Nga đã tăng cường đẩy mạnh việc mở rộng đất nước ra tất cả các hướng bằng những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm tạo nên một vùng đệm khổng lồ nhằm bảo vệ trái tim Mát-xcơ-va. Tiếp đó, dưới sự thống trị của các Sa hoàng, Nga đã trở thành đế quốc với lãnh thổ rộng lớn.

Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ thứ XVII, đế quốc rộng lớn Nga được biết đến là một nước lạc hậu về văn hóa, kinh tế và quân sự. Vị thế của Nga chỉ được khẳng định thực sự trên

trường quốc tế với vai trò của Piôt Đại đế (1682-1725). Với những cải cách toàn diện, ông đã đưa nước Nga bước sang một thời kỳ mới: thời đại của văn minh tiên bộ. Về kinh tế, Piôt I đã cho xây dựng nền công nghiệp hiện đại với những ngành công nghiệp hiện đại. Đồng thời, ông còn là người đầu tiên mở cánh cửa ra thế giới phương Tây thông qua việc đẩy mạnh phát triển thương mại. Về quân sự, dưới triều đại Piôt I, quân đội Nga từ trình độ Trung cổ trở thành một lực lượng quân đội hùng mạnh, đánh bại quân đội Thụy Điển - một cường quốc quân sự châu Âu thời đó trong trận Pôntava (1709). Có thể nói, Piôt Đại đế đã đóng vai trò chủ chốt trong việc đưa nước này vào hệ thống các quốc gia lớn ở châu Âu. Tiếp đó, trải qua biết bao thăng trầm lịch sử, đế quốc Nga từ các triều đại của Ekaterina II (1762-1796) cho đến Sa hoàng Alexandr III (1881-1894) vị thế của Nga trên trường quốc tế tiếp tục được củng cố, Nga trở thành đế quốc về kinh tế, quân sự. Điều này có tác động không nhỏ đến việc hình thành chính sách cai trị của Nicolai II sau khi ông lên nắm quyền.

Cùng với sự hình thành, phát triển của đế quốc Nga, chế độ phong kiến cũng được củng cố và phát triển mạnh mẽ, nhất là từ khi dòng họ Romanov lên nắm quyền cai trị (năm 1613). Các vị Sa hoàng đã thực hiện nhiều chính sách để bảo vệ, củng cố và phát triển sự thống trị của nhà nước quân chủ chuyên chế trước những biến đổi của lịch sử.

Piôt I đã đặt nền móng cho một nhà nước quân chủ chuyên chế. Trong chính sách cai trị của mình, ông chủ trương tăng cường áp bức nông nô, dùng sức mạnh quân sự để đập tan các cuộc đấu tranh giai cấp nhằm bảo vệ sự thống trị tối cao của nhà nước chuyên chế.

Đến thời Ekaterina II (1762-1796), chính quyền tiếp tục thực hiện chính sách tăng cường áp bức nông nô để thỏa mãn những tham vọng của quý tộc. Năm 1789, khi cách mạng Pháp bùng nổ, Nữ hoàng đã thực hiện các biện pháp để ngăn chặn ảnh hưởng của một cuộc cách mạng đe dọa đến đế quốc

phong kiến nhằm bảo vệ chế độ quân chủ chuyên chế.

Dưới triều đại Alexandr II (1855-1881), cải cách bãi bỏ chế độ nông nô vào năm 1861 đã được thực hiện. Cuộc cải cách mở đường cho Nga bước vào thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Nhưng xét cho cùng mục đích của cải cách vẫn nhằm bảo vệ cho nhà nước quân chủ chuyên chế. Khi Sa hoàng Alexander III lên nắm quyền năm 1881. Khác với vua cha, ông từ chối mọi biện pháp cải cách, tích cực thiết lập nền cai trị chuyên chế. Quyền lực thực tế thuộc về hoàng đế và một nhóm nhỏ các thân vương, quý tộc Nga.

Như vậy, có thể thấy truyền thống cai trị của dòng họ Romanov trước bối cảnh mới của tình hình thế giới và trong nước đặt ra cho Sa hoàng Nicolai II không ít thách thức, làm thế nào để tiếp tục duy trì, phát triển chế độ quân chủ chuyên chế? Truyền thống cai trị ấy trở thành một trong những nhân tố tác động đến chính sách đối nội của Nicolai II trong suốt thời gian cầm quyền của mình (1894-1917).

\* Tình hình nước Nga sau cải cách nông nô năm 1861:

Năm 1861, cuộc cải cách xóa bỏ chế độ nông nô được thực hiện. Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng cuộc cải cách đã mở đường cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ ở Nga, đưa đến những thay đổi to lớn trong nông nghiệp và công thương nghiệp.

Trong nông nghiệp, quá trình phân hóa nông dân Nga diễn ra nhanh chóng. Sự tập trung ruộng đất trong tay tầng lớp trên ở nông thôn đã dẫn đến sự ra đời của tư sản nông nghiệp - tầng lớp cu lác. Kinh tế địa chủ cũng dần chuyển sang phương thức sản xuất mới - kinh tế tư bản. Các vùng nông nghiệp được chuyên môn hóa.

Đầu thập niên 70 của thế kỷ XIX, nước Nga bước vào thời kỳ công nghiệp hóa. Trong các ngành công nghiệp chủ chốt, máy hơi nước được sử dụng rộng rãi nhờ đó năng

suất lao động tăng lên nhanh chóng. Đến thập niên 80, sản xuất công nghiệp, máy móc đã thay thế lao động thủ công trong những ngành công nghiệp chủ yếu như dệt, gia công kim loại, làm giấy, khai thác mỏ... Cuộc cách mạng công nghiệp Nga về cơ bản hoàn thành vào thập niên 90 của thế kỷ XIX.

Về chính trị - xã hội, cuộc cải cách tạo ra những biến đổi quan trọng trong cơ cấu xã hội. Các giai cấp mới trong xã hội xuất hiện: giai cấp tư sản và vô sản. Giai cấp tư sản ra đời nhưng phát triển yếu ớt, lệ thuộc vào sự bảo trợ của nhà nước và tư bản nước ngoài.

Khác với giai cấp tư sản, giai cấp vô sản Nga được hình thành và phát triển nhanh chóng về cả số lượng cũng như ý thức giai cấp. Công nhân Nga phải chịu hai ách áp bức: chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa và những tàn tích của chế độ nông nô. Họ làm việc trong những điều kiện hết sức tồi tàn, bị đánh đập, tước mọi quyền tự do. Mâu thuẫn xã hội chông chéo và gay gắt. Phong trào công nhân dần trở thành yếu tố quan trọng trong đời sống chính trị ở Nga nửa sau thế kỷ XIX. Phong trào dân chủ cách mạng và phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đó, chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng rãi ở nước Nga thông qua hoạt động của nhóm “giải phóng lao động”, tiếp đó là hoạt động nhà cách mạng thiên tài V.I. Lênin đã đưa cách mạng Nga phát triển, đe dọa sự tồn tại của chế độ chuyên chế Nga hoàng.

Có thể thấy, sự phát triển của Nga vào cuối thế kỷ XIX đã đặt ra yêu cầu cho Sa hoàng Nicolai II, phải có những lựa chọn phù hợp trong chính sách cai trị của mình để vừa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế tư bản ở Nga, vừa giải quyết được mâu thuẫn trong nước nhằm duy trì quyền lực của chế độ chuyên chế.

\* Tình hình thế giới những thập niên cuối thế kỷ XIX:

Thành công của các cuộc cách mạng tư sản, tiếp đó là cuộc cách mạng công nghiệp đã đưa đến sự thay đổi quan trọng của chủ

nghĩa tư bản trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội.

Về kinh tế, trong khoảng 30 năm cuối thế kỷ XIX, sản xuất của xã hội loài người có những bước tiến lớn. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển với tốc độ chưa từng thấy. Cho đến thập niên 90 của thế kỷ XIX, hầu hết các nước tư bản trên thế giới đều đã hoàn thành cách mạng công nghiệp. Đồng thời, sự xuất hiện của các công ty độc quyền trong giai đoạn này đã đưa chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính sự phát triển nhanh chóng của sản xuất công nghiệp đã làm thay đổi vai trò và vị trí của mỗi nước trong nền kinh tế thế giới.

Về chính trị, chế độ phong kiến ở hầu hết các nước tư bản Âu, Mỹ đều bị xóa bỏ thay thế bằng chế độ tư bản chủ nghĩa. Bộ máy cai trị của chính quyền phong kiến được thay thế bởi bộ máy nhà nước tư sản, quyền lực của các vị Hoàng đế ở hầu hết các nước tư bản đều bị xóa bỏ hoặc hạn chế. Các nước tư bản lúc này đã thiết lập cho mình một thể chế chính trị phù hợp để đưa đất nước tiếp tục phát triển và khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế.

Về xã hội, trong các nước tư bản Âu - Mỹ, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng trở nên sâu sắc. Giai cấp công nhân đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn áp bức của giai cấp tư sản. Sự phát triển của phong trào công nhân cùng với ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mác dẫn đến sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở mỗi nước. Điều này tạo tiền đề thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế bước sang giai đoạn đấu tranh mới. Thêm vào đó, quá trình xâm lược thuộc địa và bóc lột của các nước đế quốc đã làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh ở các nước thuộc địa trên thế giới, làm lung lay hệ thống thuộc địa cũng như sự thống trị của giai cấp cầm quyền.

Bối cảnh lịch sử thế giới trên đã đặt ra nhiều thách thức trên con đường cai trị của Nga hoàng Nicolai II, làm sao để vừa phát triển kinh tế Nga theo kịp các nước tư bản

phương Tây, vừa phải bảo vệ được sự tồn tại của chế độ phong kiến Nga trước nhiều bủa vây của chế độ tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

### 3.2.2. Nhân tố chủ quan

\* Đặc điểm tính cách Nga hoàng Nicolai II:

Sa hoàng Nicolai II có tính cách hoàn toàn trái ngược với người tiền nhiệm. Trong khi cha của ông - Sa hoàng Alexandr III - một người quyết đoán và chắc chắn trong mọi hành động thì Nicolai II tỏ ra là một người luôn “thiếu quyết tâm và mềm yếu” [1].

Tính cách ấy được hình thành từ chính sự giáo dục của gia đình và người thầy của Nicolai II - tướng Danilovich. Người thầy Danilovich đã nói với Nicolai II: “Ngài phải nhớ rằng, thưa ngài, tất cả những ai tiếp cận với ngài đều vì mong muốn có được cái gì đó từ ngài” [1]. Môi trường giáo dục ấy đã hình thành nên tính cách của Nicolai II: kín đáo và nghi ngờ tất cả. Trong cuốn *The origins of the Russo - Japanese war* (Nguồn gốc của chiến tranh Nga - Nhật) nhà nghiên cứu Ian Nish đã nhận xét về tính cách của Nicolai II: “nhút nhát và rụt rè, ông cố gắng tránh tranh luận và đối đầu và thường là những quyết định khó khăn” [2].

Nicolai II còn được biết đến là con người có tính cách không quyết đoán, dễ dàng thay đổi và đảo ngược những mệnh lệnh của mình. Dưới con mắt của thư ký Đại sứ quán Nga tại Berlin - E. Schelking thì Nicolai II còn là một người có tính cách lãnh đạm với mọi người. Trong cuốn hồi ký của mình, ông đã đưa ra nhiều dẫn chứng thể hiện sự lãnh đạm của vị Sa hoàng cuối cùng của nước Nga. Theo lời kể của E. Schelking: trong cuộc tuần tra trên biển được tiến hành ở Petrograd, Hoàng đế có mặt trên tàu của Đô đốc Hải quân, có các thương binh, thủy thủ đến để chào mừng Hoàng đế. Nhưng ông chỉ lại đáp lại với họ với một thái độ thờ ơ hững hờ. Tuy nhiên, trong con mắt của Chánh văn phòng quân đội Anh - John Hanbury Williams thì Nicolai II lại là người với: “lòng tốt vô tận mà ông ấy luôn cho tôi thấy trong những lúc gặp rắc rối cá nhân hay của người khác, bản chất vui vẻ và

đầy sức sống của ông và sự can đảm không ngừng khi mọi thứ dường như tồi tệ...” [3]

Nhưng một chút bản chất tốt đẹp đó không thể bào chữa cho những tính cách và hành động “khát máu” được thể hiện trong chính sách đối nội của Nicolai II. Chính tính cách mềm yếu, thiếu quyết đoán, lãnh đạm với mọi người và sự nghi ngờ tất cả của Nicolai II đã tác động không nhỏ đến những chính sách đối nội trong thời gian ông cai trị nước Nga.

\* Quan điểm và nguyên tắc cai trị:

Nicolai II là người được đào tạo để kế nhiệm sự thống trị của dòng họ Romanov ở nước Nga. Cuộc sống luôn trong vòng bảo vệ của Vua cha cộng với môi trường sống không lý tưởng do bị ám ảnh bởi vụ ám sát Alexandr III, sau khi lên nắm quyền Nicolai đã có quan điểm chính trị như thế nào?

Câu trả lời có ngay sau ngày nhậm chức của ông, khi ông phát biểu trước mọi người vào ngày 30/1/1895 ở Cung điện mùa Đông: “Ta muốn tất cả mọi người biết rằng ta sẽ cống hiến tất cả sức mạnh của mình để duy trì những điều tốt đẹp của đất nước, nguyên tắc quân chủ chuyên chế, chắc chắn và mạnh mẽ như người cha đã quá cố của ta” [4]. Như vậy, Nicolai II đã quyết định theo chính sách cai trị của Alexandr III, bảo vệ chế độ chuyên chế bất chấp sự mong muốn về những cải cách tự do từ người dân. Quan điểm chính trị đó đã trở thành kim chỉ nam cho mọi chính sách lạnh lùng của ông sau này, những nhà chuyên quyền giải quyết khó khăn “bằng súng, lưỡi lê và roi da - chứ không chỉ bằng ngòi bút, như là những nhà viết tiểu luận ngây thơ của Anh muốn nghĩ” [4].

Trong suốt thời gian cai trị, Nicolai II cũng xác định cho mình một nguyên tắc “phải có kẻ nào đó bị bắn” [4]. Chính quan điểm và nguyên tắc cai trị như vậy, Nicolai II là hiện thân của chế độ chuyên chế phản động, những chính sách đối nội của ông gắn với những cuộc tàn sát đẫm máu.

Như vậy, với tính cách mềm yếu, đa nghi cùng với quan điểm bảo vệ sự chuyên quyền, độc đoán khiến cho Sa hoàng Nicolai II trên

con đường cai trị đã thực hiện những chính sách đối nội phản động, làm cho chế độ phong kiến Nga khủng hoảng trầm trọng.

### 3.3. Nội dung chính sách cai trị

#### 3.3.1. Chính sách về kinh tế

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, trong bối cảnh đó, nước Nga cũng có nhiều chuyển biến sâu sắc. Cuộc cải cách nông nô năm 1861 đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản ở Nga phát triển nhưng kết quả còn hạn chế, nó để lại nhiều tàn dư nông nô lạc hậu cả về kinh tế và chính trị. Đầu thế kỷ XX, nước Nga bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Đế quốc chủ nghĩa ở Nga hình thành với những nét riêng, Nga trở thành một nước “đế quốc phong kiến quân phiệt”.

Sau khi lên nối ngôi, với sự phát triển kinh tế mang đặc điểm riêng, Nga hoàng Nicolai II đã thực hiện chính sách nhằm bảo vệ cơ sở tồn tại của những tàn tích phong kiến - nông nô. Đó chính là bảo vệ chế độ sở hữu lớn về ruộng đất của giai cấp địa chủ - quý tộc, mà Nga hoàng là địa chủ lớn nhất.

Do đó, các biện pháp kinh tế của chính phủ Nga hoàng trước hết nhằm ngăn chặn sự phá sản của địa chủ. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho địa chủ, một mặt chính phủ tích cực phát huy vai trò của Ngân hàng nông dân và Ngân hàng quý tộc đã được thành lập từ những năm 80 của thế kỷ XIX. Ngân hàng quý tộc cung cấp tín dụng ưu đãi cho địa chủ, còn Ngân hàng nông dân làm trung gian trong việc bán các lãnh địa, đảm bảo cho địa chủ những điều kiện có lợi nhất. Quyền lợi của quý tộc được chú ý khi có việc nhượng đất để xây dựng đường sắt hay khai thác khoáng sản. Nhờ đó, nhiều quý tộc trở thành các nhà kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Mặt khác, để củng cố vững chắc hơn nữa cho cơ sở xã hội của mình, chính phủ Nga hoàng đã thực hiện cải cách ruộng đất Stô-lư-pin. Cải cách này nhằm mục đích tìm cách giải quyết vấn đề ruộng đất làm sao để không phải là đem lại ruộng đất cho toàn thể nông dân, và cũng không động chạm đến quyền

lợi của địa chủ. Chính sách ruộng đất Stô-lư-pin dựa trên Sắc lệnh của Nga hoàng ngày 9/9/1906. Theo sắc lệnh, mỗi nông dân sử dụng ruộng đất công xã có thể xin chuyển phần đất của mình thành ruộng tư bất cứ lúc nào. Nông dân còn có thể đổi đất nằm rải rác để quy lại một nơi. Sắc lệnh khuyến khích nông dân tách ra lập trại riêng ở ngoài làng. Ngày 14/6/1910 sắc lệnh được phê duyệt và trở thành luật với một số thay đổi có lợi cho tầng lớp cu-lắc [2]. Những đạo luật mới về ruộng đất của chế độ Nga hoàng đã bảo vệ ruộng đất cho địa chủ và phú nông. Chính sách ruộng đất Stô-lư-pin đem lại kết quả trực tiếp là quần chúng nông dân bị phá sản, bọn phú nông thì hút máu làm giàu. Mục tiêu thứ hai của Nga hoàng trong cải cách này là di dân hàng triệu người người nước Nga từ bộ phận châu Âu sang bên kia dãy Ural nhằm làm giảm mâu thuẫn trong nông thôn.

Ngoài ra, để đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, Nga hoàng còn thực hiện chính sách mở cửa cho tư bản nước ngoài đầu tư vào Nga ngày càng nhiều. Các tập đoàn lũng đoạn của bọn tư bản giữ vị trí thống trị trong hầu hết các ngành công nghiệp và vận tải. Những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân đều do tư bản nước ngoài nắm. Bọn đầu sỏ tài chính ngày càng chi phối đời sống kinh tế trong nước, câu kết chặt chẽ với bọn quan liêu cầm đầu bộ máy nhà nước. Để phát triển kinh tế, ngoài việc nhập khẩu tư bản, Nga cũng đóng vai trò là người xuất khẩu ở các nước lạc hậu hơn như Iran, Trung Quốc.

Mặt khác, để phát triển kinh tế, chính phủ Nga hoàng còn thực hiện chính sách bóc lột của cải của nhân dân lao động thông qua việc thu thuế (tem, thuế rượu, thuế thương chính...), tăng giờ làm...

Như vậy, có thể nói những chính sách về kinh tế của Nga hoàng Nicolai II khi ông cầm quyền đã không đưa nước Nga phát triển. Những tàn tích của chế độ nông nô vẫn là trở ngại lớn đối với sự phát triển của đất nước. Nhận xét về sự phát triển của Nga dưới sự cai trị thời Nicolai II, V. I. Lênin đã viết: “mặc dù trong nửa thế kỷ sau khi

nông dân được giải phóng, sự tiêu dùng về sắt ở Nga tăng lên năm lần, nhưng nước Nga vẫn còn là một nước lạc hậu. Về mặt trang bị công cụ sản xuất hiện đại thì Nga kém Anh 4 lần, kém Đức 5 lần và kém Mỹ 10 lần. Năm 1900, Nga đã chiếm hàng đầu trên thế giới về sản xuất dầu lửa, nhưng không đầy 10 năm đã bị tụt lại đằng sau” [5].

### 3.3.2. Chính sách về chính trị

Tiếp nối truyền thống cai trị của dòng họ Romanov, sau khi lên kế vị Nga hoàng Nicolai II đã tuyên bố việc bảo vệ chế độ chuyên chế. Vì vậy, về chính trị, nước Nga giữ lại hầu như nguyên vẹn bộ máy cai trị của chính quyền phong kiến cũ. Nga hoàng và giai cấp quý tộc phong kiến không che toàn bộ cuộc sống chính trị của nước Nga.

Trong đó, nhà Vua tự ý ban bố các luật lệ, chỉ định các bộ trưởng và quan lại - những người mà làm vừa lòng Nga hoàng và Hoàng hậu, chứ không phải là vì tài năng của họ. Chế độ quân chủ Nga hoàng thực chất là nền chuyên chính của địa chủ - chủ nông nô, những người có quyền hành chính trị, chiếm những chức vụ trọng yếu trong nhà nước.

Chính phủ Nga hoàng ủng hộ bọn chủ xưởng và chủ nhà máy, bọn đầu sỏ trong công nghiệp và tài chính. Giai cấp tư sản Nga, ra đời và phát triển nhờ vào sự ủng hộ của chế độ chuyên chế, đã câu kết chặt chẽ với Nga hoàng. Cùng với địa chủ, tư sản Nga trở thành cánh tay của chính phủ chuyên chế Nicolai II.

Chính phủ Nga hoàng cướp đoạt mọi quyền lợi chính trị của nhân dân Nga. Họ không được tự do hội họp, không được phát biểu ý kiến, không được tự do lập hội và đoàn thể, không được tự do xuất bản báo chí và sách vở. Nga hoàng còn xây dựng một đội quân khổng lồ gồm: vệ binh, mật thám, cảnh sát, hiến binh ở thành phố và hương vệ ở nông thôn để bảo vệ mình, bảo vệ địa chủ, tư sản, chống lại nhân dân.

Thêm nữa, để tập trung mọi quyền lực trong tay mình, Nga hoàng thực hiện chính sách “chia để trị”. Nguyên tắc “chia để trị”

được thực hiện một cách triệt để trong bộ máy chính quyền ở Nga. Đặc biệt là trong việc chỉ định các bộ trưởng. Trong cuốn hồi ký *Recollections of a Russian diplomat, the suicide of monarchies* (William II and Nicolai II), (Hồi ký của một nhà ngoại giao Nga, sự sụp đổ của chế độ quân chủ (William II và Nicolai II)), tác giả E. Schelking đã nêu rất rõ chính sách chia rẽ này của Nga hoàng Nicolai II. Ông viết: Khi tướng Witte, một thành viên của Đảng tự do được bầu làm Chủ tịch của Hội đồng Nội các đầu tiên (được gọi là Hội đồng Lập hiến), Hoàng đế đã gửi cho ông ta vị Bộ trưởng Nội các - M. Dournovo, một kẻ thù của Đảng tự do...[1]. Chính việc sắp đặt những tính cách đối lập nhau làm việc trong cùng một tổ chức, Nicolai II muốn làm giảm bớt sự lộng quyền của người đứng đầu các cơ quan, có sự giám sát nhau. Nhưng chính sách ấy đã tạo cho bộ máy cai trị sự chia rẽ, bất đồng trong nội bộ gây hại cho chính phủ trong mọi việc.

Chính sách “chia để trị” còn được Nga hoàng thực hiện triệt để đối với các vùng dân tộc ngoại vi. Những dân tộc không phải người Nga, chiếm đại đa số dân cư với 57% không được hưởng chút quyền lợi nào mà họ còn bị khinh bỉ. Chính phủ Nga hoàng thực hiện chính sách gây thù hằn dân tộc, gọi những dân tộc không phải người Nga là “dị chủng”. Để chia rẽ các dân tộc, chính quyền của chế độ Nga hoàng luôn xúi giục dân tộc này chống dân tộc khác, tổ chức những cuộc tàn sát người Do Thái... “chế độ Nga hoàng quả là tay đao phủ và kẻ hành hình những dân tộc không phải là Nga” [5]. Với chính sách chia rẽ được thực hiện một cách triệt để, nước Nga trở thành nhà tù của các dân tộc dưới thời Nga hoàng.

### 3.3.3. Chính sách về văn hóa - xã hội

Để bảo vệ cái gọi là “cơ sở nhà nước”, chính phủ Nga hoàng đã tiến hành đàn áp khốc liệt các phong trào cách mạng bằng súng đạn, roi vọt và tù đầy. Chính quyền cấm mọi hình thức tự do ngôn luận, giám sát chặt chẽ đối với công nhân, sinh viên và khủng bố

các nhà cách mạng kết hợp với việc cấm các tổ chức tự do của giai cấp tư sản và địa chủ.

Chế độ phản động thể hiện trong mọi đời sống xã hội, trong khoa học, triết học, nghệ thuật. Chế độ Nga hoàng tiến hành tuyên truyền chủ nghĩa Sô-vanh. Những tâm lý phản cách mạng, những tư tưởng phản bội lan rộng trong tầng lớp tri thức, họ bị chủ nghĩa thần bí và tôn giáo lôi cuốn. Chính phủ Nga hoàng sợ ánh sáng tri thức sẽ làm cho nhân dân trở nên bừng tỉnh. Do đó, họ đìm nhân dân trong vòng tối tăm, ngu muội. Chính sách phản động của chính phủ Nga hoàng đã kìm hãm sự phát triển của giáo dục, làm tăng thêm tình trạng lạc hậu ở Nga. Đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, 76% dân số Nga mù chữ. Số nhà thờ và tu viện nhiều hơn số trường học. Chế độ Nga hoàng làm cho nhân dân không chỉ đói khổ về vật chất mà cả về tinh thần.

Ngoài ra, chính phủ Nga hoàng còn tìm cách làm giảm đến mức tối thiểu ảnh hưởng của các danh nhân văn hóa Nga: rút phép thông công đối với Lev Tolstoi (năm 1901), không phê chuẩn việc bầu M. Gorki là viện sỹ danh dự (năm 1902), cấm tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày mất của nhà văn Turgenev...

Đối với các dân tộc ngoại vi, chính quyền Nga hoàng thực hiện chính sách “Nga hóa”. Với chính sách này, các hoạt động xuất bản sách báo bằng tiếng mẹ đẻ và dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ em của các dân tộc đều bị cấm. Ngoài ra, chính quyền còn tiến hành các cuộc di dân lớn.

Tóm lại, vấn đề cơ bản trong chính sách đối nội của Nga hoàng Nicolai II là nhằm “bảo vệ những cơ sở Nhà nước”. Đó là sự tập trung quyền lực vào tay Hoàng đế, là sự duy trì chế độ chuyên chế. V. I. Lênin đã nhận xét về chế độ ấy: “Chế độ chuyên chế của Nga hoàng là quyền vô hạn độ của Nga hoàng. Nhân dân không được dự chút nào vào việc tổ chức nhà nước và quản lý nhà nước. Việc ban bố tất cả các pháp luật, việc bổ nhiệm tất cả các quan chức đều do một mình Nga hoàng làm, dựa vào quyền chuyên chế, độc đoán vô hạn độ của hắn”. Chế độ Nga hoàng

còn là “chế độ chuyên chế của bọn quan lại. Chế độ chuyên chế của Nga hoàng là sự lệ thuộc kiêu ngạo nô của nhân dân vào bọn quan lại, nhất là cảnh sát. Chế độ chuyên chế của Nga hoàng là chế độ chuyên chế của cảnh sát” [6].

### 3.4. Đặc điểm chính sách cai trị

#### 3.4.1. Chính sách đối nội của Nga hoàng Nicolai II là sự kết hợp giữa chính sách đàn áp và cải cách mị dân

Nga hoàng Nicolai II lên nắm quyền năm 1894, ông đã thực hiện chính sách đối nội phản động. Chính sách ấy của chính phủ Nga hoàng là sự kết hợp giữa chính sách đàn áp và chính sách cải cách mị dân.

Năm 1896, “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng gia cấp công nhân” do V.I. Lênin đã thành lập, đã chỉ huy 3 vạn công nhân dệt ở Saint Peterburg bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm. Sau khi đã bắt trên 1.000 công nhân, chính phủ Nga hoàng âm mưu phá tan cuộc bãi công bằng các cuộc đàn áp khốc liệt. Tình hình khó khăn buộc công nhân phải ngừng đấu tranh và trở lại làm việc. Nhưng chính phủ Nga hoàng cũng phải nhân nhượng. Năm 1897, Chính phủ ban hành đạo luật quy định giờ làm việc tối đa mỗi ngày là 11 giờ rưỡi.

Tiếp đó, cách mạng năm 1905 bùng nổ, nước Nga trở thành vũ đài của cách mạng dân chủ tư sản 1905-1907, trung tâm của phong trào cách mạng thế giới. Ngày 09/01/1905, đi vào lịch sử với tên gọi “Ngày chủ nhật đẫm máu” khi Nga hoàng ra lệnh xả súng vào đoàn người biểu tình khiến hàng nghìn người chết và bị thương. Sau sự kiện ấy, phong trào cách mạng đấu tranh chống Nga hoàng dấy lên khắp nước Nga, lôi kéo cả binh lính và nông dân. Thậm chí các dân tộc bị áp bức trong đế quốc cũng nổi dậy đấu tranh đòi độc lập. Trước khí thế cách mạng ngày càng cao của quần chúng, một mặt chính phủ Nga hoàng tuyên bố thiết quân luật ở nhiều tỉnh, ra lệnh “không cầm tù”, “không tiếm đạn”. Mặt khác, chế độ Nga hoàng âm mưu làm cho nhân dân xa rời cuộc đấu tranh cách



mạng bằng những sự nhượng bộ và những hứa hẹn. Ngày 6/8/1905, xuất hiện một bản tuyên ngôn về việc triệu tập viện Duma quốc gia (còn gọi là Duma Bulypin, theo tên Bộ trưởng Nga hoàng - tác giả bản dự thảo thành lập viện Duma) [6]. Nhưng viện này chỉ có tính chất tư vấn, nghĩa là có thể thảo luận một số vấn đề như là một cơ quan tư vấn bên cạnh Nga hoàng. Những người Bôn-sê-vich hiểu bản chất của viện chỉ là chút ân huệ của Nga hoàng nhằm tranh thủ tư sản tự do nên đã tẩy chay Duma, tiếp tục chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Phong trào cách mạng tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, các cuộc bãi công của công nhân làm ngưng trệ hoạt động kinh tế và giao thông trong nước. Trước tình hình đó, chính phủ Nga hoàng vội vàng đi đến một số nhượng bộ để cứu vãn cho chế độ chuyên chế. Ngày 17/10/1905, Nga hoàng ra “Tuyên ngôn”, ban bố các quyền tự do “thân thể, tín ngưỡng, ngôn luận, hội họp và lập hội. Nhưng phái Bôn-sê-vich tiếp tục chỉ ra sự lừa dối của chính phủ với nhân dân và kêu gọi công nhân, nông dân tiếp tục đấu tranh.

Trong những năm bùng nổ thế chiến I, sự bất mãn của quần chúng đối với chiến tranh và chính sách của chế độ chuyên chế Nga hoàng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Công nhân là những người đầu tiên đứng lên tiếp tục đấu tranh. Số lượng các cuộc bãi công tăng lên nhanh chóng. Chính quyền Nga hoàng tiếp tục chính sách đàn áp khốc liệt, cảnh sát bắn xả vào đoàn biểu tình của công nhân bãi công. Mặt khác, lo sợ trước sự phát triển của phong trào bãi công và sự bất lực của chế độ Nga hoàng, bọn tư sản áp dụng thủ đoạn khôn khéo để xoa dịu công nhân nhằm đưa họ vào ảnh hưởng của mình. Chúng lập ra các ủy ban công nghiệp chiến tranh mà thực chất là để ủng hộ Nga hoàng, tăng cường sản xuất công nghiệp chiến tranh, bóc lột công nhân nhiều hơn. Giai cấp tư sản lập “những nhóm công nhân” bên cạnh những ủy ban nói trên, đưa đại biểu công nhân vào nhóm đó để tuyên truyền rằng “hòa bình giai cấp” giữa tư sản và vô sản được thiết lập ở Nga. Như

vậy, có thể thấy, ngoài việc đàn áp, bọn Nga hoàng và tư sản còn tìm cách mị dân, mua chuộc hồng giữ vững sự thống trị của mình

Mặc dù phong trào cách mạng chịu sự đàn áp dã man của chính phủ Nga hoàng, nhưng nó cũng buộc chế độ Nga hoàng phải có những nhân nhượng. Điều kiện lao động của giai cấp vô sản cũng được cải thiện phần nào. Trong nhiều ngành công nghiệp, tiền lương của công nhân được nâng cao. Nhờ cách mạng, nông dân được xóa bỏ tiền chuộc, hạ thấp giá địa tô và giá ruộng đất. Nhưng những sự nhân nhượng, cải cách chỉ là sự mị dân, phong trào cách mạng chống chế độ chuyên chế vẫn tiếp tục bùng nổ dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vich, đứng đầu là V.I. Lênin.

*3.4.2. Quá trình thực hiện chính sách cai trị của Nga hoàng Nicolai II chịu nhiều sự tác động của những nhân tố bên ngoài*

Chính sách cai trị của Nga hoàng Nicolai II chịu sự chi phối của nhiều nhân tố khác nhau. Đó là sự tham vấn của bộ máy chính quyền, truyền thống cai trị của dòng họ hay bối cảnh lịch sử của nước Nga. Nhưng nhân tố bên ngoài cũng có tác động không nhỏ, tạo nên đặc điểm trong chính sách đối nội của Nicolai II đặc biệt là các mối quan hệ quốc tế.

Cuối thế kỷ XIX, ưu tiên hàng đầu của các nước đế quốc trong việc phát triển kinh tế là tăng cường xây dựng các tuyến đường sắt. Nói đến vấn đề này, nhà nghiên cứu Ian Nish đã cho rằng: “Trong các thập kỷ của chủ nghĩa đế quốc, các tuyến đường sắt là công cụ để một quốc gia mở rộng lãnh thổ của họ” [2]. Nga hoàng Nicolai II cũng nhận thấy tầm quan trọng của việc xây dựng tuyến đường sắt đối với nền kinh tế của đất nước. Vì vậy, ông đã tiếp tục việc xây dựng đường xe lửa xuyên Siberia tới Vladivostock (khởi công năm 1891 dưới thời Alexandr III). Mục đích ban đầu trong việc xây dựng tuyến đường xuyên Siberia qua Viễn Đông đó là về về kinh tế. Bằng cách triển khai xây dựng tuyến đường sắt lớn nhất xuyên Siberia, S. Witte - Bộ trưởng Tài chính Nga

muốn thâm nhập một cách hòa bình vào khu vực này để phát triển kinh tế, làm chủ nền thương mại ở Thái Bình Dương. Tuy nhiên, sau đó Nga hoàng đã biến việc xây dựng đường sắt xuyên Siberia đã trở thành công cụ để nước này bành trướng lãnh thổ, tranh giành quyền lợi với các nước đế quốc tư bản chủ nghĩa [7].

Nhưng để có thể thực hiện dự án đường sắt khổng lồ này, vấn đề lớn nhất đối với chính quyền Nga hoàng là tài chính. Muốn hiện thực hóa việc xây dựng đường sắt, Nga hoàng đã tận dụng mối quan hệ với Pháp nhờ Hiệp ước thân thiện (1891), sau đó là Hiệp ước đồng minh (1893) giữa hai nước để tiến hành những khoản vay khổng lồ từ Pháp. Các thỏa thuận trong quan hệ Pháp - Nga đã đem đến những liên kết không chỉ về chính trị mà còn tạo ra sự thuận lợi cho việc liên kết về tài chính. Theo đó, để nhận được sự đầu tư của các nước tư bản mà đặc biệt là Pháp, Nga buộc phải thực hiện chính sách “mở cửa” cho sự xâm nhập của tư bản nước ngoài vào nền kinh tế của mình.

Thêm vào đó, mặc dù là một nước có nền kinh tế yếu hơn so với các nước tư bản phương Tây, nhưng Nga hoàng vẫn muốn thực hiện chính sách xuất khẩu tư bản để phát triển nền kinh tế. Nhờ vào việc xây dựng mối quan hệ “láng giềng” với Trung Quốc sau sự kiện Tam cường can thiệp, Nga đã hứa giúp Trung Quốc trả các khoản bồi thường cho Nhật thông qua việc cho Trung Quốc vay một khoản tiền qua ngân hàng Nga - Trung. Thông qua ngân hàng này, Nga có thể thực hiện việc xuất khẩu tư bản, nhưng nó cũng không mấy hiệu quả bởi hoạt động của ngân hàng này lại nhờ vào phần lớn số vốn từ ngân hàng Pháp.

Hơn nữa, chính phủ Nga hoàng còn tận dụng một cách triệt để các mối quan hệ ngoại giao để đàn áp phong trào cách mạng trong nước. Cụ thể là vào năm 1905, Nga đã kết thúc chiến tranh với Nhật bằng việc ký kết Hòa ước Portsmouth. Giới cầm quyền Nga chấp nhận những điều khoản nhục nhã với kẻ thù bên ngoài để tập trung lực lượng đàn áp cách mạng

trong nước. Nga muốn các nước đế quốc giúp đỡ mình để dập tắt các phong trào cách mạng phát triển trong nước mà nếu chỉ có Nga hoàng cùng lực lượng quân đội, cảnh sát trong nước sẽ không làm được điều đó.

Tiếp đó, những thất bại về quân sự của Nga trong thế chiến I, đã gây nên sự mất ổn định về chính trị. Sự bất lực của chế độ Nga hoàng gây ra sự bất mãn trong giai cấp tư sản tự do. Trong khi giới cầm quyền và giai cấp tư sản lúng túng trước những mâu thuẫn không giải quyết được thì cách mạng bùng nổ. Để rảnh tay chống lại cách mạng, Nga hoàng bắt đầu đàm phán bí mật với Đức về việc đình chỉ chiến tranh bằng cách ký một hòa ước riêng biệt. Nga hoàng muốn thực hiện chính sách hòa hoãn với kẻ thù giống như trong cuộc chiến với Nhật, để giữ lại sự thống trị của mình. Song tình hình lúc này đã thay đổi, giai cấp tư sản Nga được sự hậu thuẫn của Anh, Pháp, Mỹ quyết định ngăn cản cách mạng cũng như ngăn sự đầu hàng của Nga hoàng bằng cách buộc Nicolai II phải thoái vị nhường ngôi cho em trai là Mikhain. Song âm mưu duy trì chế độ quân chủ đã thất bại. Sự phản kháng mãnh liệt của các tầng lớp nhân dân đã buộc Mikhain phải thoái vị ngày 3/3/1917, chế độ chuyên chế bị lật đổ.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Chính sách cai trị của Nga hoàng Nicolai II chịu sự tác động của những nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau. Trong đó, nhân tố chủ quan là yếu tố quan trọng, có tính quyết định đến các chính sách đối nội của ông.

Chính sách cai trị của Nga hoàng Nicolai II mang tính chất phản động. Để bảo vệ cái gọi là “cơ sở của nhà nước”, chế độ chuyên chế Nga hoàng đã thông qua công cụ là quân đội, cảnh sát để đàn áp, bóc lột nhân dân. Mặc dù kết hợp biện pháp đàn áp và cải cách mị dân, đồng thời tận dụng sự giúp đỡ của các nước đế quốc để đàn áp các phong trào cách mạng song Nicolai II cũng không thể tiêu diệt sự đấu tranh của nhân dân.

Chính sách đối nội phản động của Nga hoàng Nicolai II đã làm cho mâu thuẫn trong xã hội ngày càng gay gắt và sự lật đổ chính quyền là không thể tránh khỏi. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụp đổ của chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm và sự thống trị của dòng họ Romanov hơn 300 năm ở Nga.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Eugene de Schelking (1918). *Recollections of a Russian diplomat, the suicide of monarchies (William II and Nicholas II)*. The Macmillan company, New York.
- [2] Ian Hill Nish (1989). *The origins of the Russo - Japanese war*. LondonNewYork: Longman.
- [3] John Hanbury Williams (1922). *The Emperor Nicholas II - As I knew him*. Arthur L. Humphreys, London
- [4] Bykov P. M. (1935). *The last days of Tsar Nicholas*. International publishers, New York
- [5] Pơ-na-ma-rép B. N. (1960). *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- [6] Lênin V. I. (2005). *Toàn tập tập 7: 9.1902-9.1903*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [7] Count Witte (1921). *The Memoirs of Count Witte*. Doubleday page & company, Toronto.
- [8] Nguyễn Quốc Hùng & Nguyễn Thị Thu (2017). *Nước Nga từ nguyên thủy đến hiện đại*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [9] Vũ Dương Ninh & Nguyễn Văn Hồng (2007). *Lịch sử thế giới cận đại*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Lê Vinh Quốc, Lê Phụng Hoàng & Nguyễn Thị Thu (1997). *Các nhân vật lịch sử cận đại - tập II: Nga*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội

## THE RULING POLICY OF RUSSIAN EMPEROR NICOLAI II (1894-1917): CONTENT AND CHARACTERISTICS

Nguyen Phuong Mai<sup>1</sup>, Nguyen Thi Thu Hien<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Faculty of Social Sciences, Culture and Tourism, Hung Vuong University, Phu Tho*

### Abstract

At the end of the 19th century, Russia entered the period of imperialism before the bourgeois democratic revolution. Therefore, the Russian imperialism existed while still retaining many remnants of feudalism. Cross-contradictory social chaos have made Russia a central place for all conflicts of imperialism and a center of revolution. In this context, after taking power, Nicolai II has implemented many policies in the fields of culture, socio-economics, politics, in order to maintain the tyranny and solve the conflicts that exist in Russia. Nicolai II's rulership had many different characteristics, but those did not bring about the desired results of Emperor Nicolai II. His domestic policy became an important cause to ignite the revolutionary fire in Russia in the early twentieth century, destroying the existence of the Russian feudal regime that Nicolai II became the last Emperor of the vast country.

**Keywords:** *Nicolai II, Tsar, the Russian Empire, Russian domestic policy.*